Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## **ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 4. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỦY SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về vai trò, triển vọng, xu hướng phát triển của thủy sản ở Việt Nam.
* Vận dụng được kiến thức đã học về yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong thủy sản để áp dụng vào cuộc sống.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù:***

* *Năng lực tìm hiểu công nghệ:*
* Hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về vai trò, triển vọng, xu hướng phát triển của thủy sản ở Việt Nam.
* Vận dụng được kiến thức đã học về yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong thủy sản để áp dụng vào cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.
* *Trung thực:* HS thật thà, ngay thẳng trong việc đánh giá và tự đánh giá; HS mạnh dạn nói lên ý tưởng, suy nghĩ của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản – Cánh diều.*
* Phiếu bài tập cho HS.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).
* Tranh ảnh liên quan đến chủ đề 4.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản – Cánh diều.*
* Tìm hiểu trước thông tin phục vụ cho bài học qua SGK *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản* và internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi lại những kiến thức HS đã học trong chủ đề 4.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh GV cung cấp và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS giải thích được vai trò của đánh bắt thủy sản xa bờ.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát hình sau.

A couple of boats in the water

Description automatically generated

- GV nêu câu hỏi: *Tại sao đánh bắt thủy sản xa bờ có nhiều nguy hiểm nhưng các ngư dân vẫn lựa chọn bám biển?*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Hoạt động khai thác thủy sản xa bờ của ngư dân ở vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.*

- Các HS khác lắng nghe để nhận xét câu trả lời của bạn mình.

- GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: *Để hệ thống hoá kiến thức đã học và củng cố bằng những bài tập luyện tập, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay* ***– Ôn tập chủ đề 4.***

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sơ đồ hóa hệ thống kiến thức chủ đề 4**

**a. Mục tiêu:** Sơ đồ hóa hệ thống kiến thức ở chủ đề 4 về: Vai trò, triển vọng và xu hướng phát triển của thủy sản; phương thức nuôi thủy sản; phân loại động vật thủy sản.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ học tập; HS thảo luận nhóm, thiết kế sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức đã học ở chủ đề 4.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm sơ đồ tư duy của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 - 6 HS.  - GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận, thiết kế sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức chủ đề 4 trong thời gian 10 phút.  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm HS hệ thống hóa lại kiến thức, thảo luận cách trình bày sơ đồ tư duy theo hướng dẫn của GV.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - Các nhóm báo cáo sản phẩm.  - GV tổ chức cho các nhóm đánh giá chéo sản phẩm của nhóm khác và tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, đánh giá thái độ làm việc của HS trong nhóm.  - GV chuẩn hóa kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo. | *Gợi ý trả lời đính kèm dưới hoạt động* |

***Gợi ý Sơ đồ tư duy:***

***A screenshot of a chat

Description automatically generated***

***Gợi ý Phiếu đánh giá sản phẩm và kĩ năng thuyết trình của HS:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp:...................................................  Nhóm đánh giá:.......................................................................................................................  Nhóm trình bày:......................................................................................................................  **PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM**  **VÀ KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH SẢN PHẨM HỌC TẬP**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Các tiêu chí** | **Điểm** | **Có** | **Không** | | 1 | Sơ đồ tư duy rõ ràng, đúng yêu cầu. | 1,5 |  |  | | 2 | Thiết kế bắt mắt, sáng tạo. | 1,5 |  |  | | 3 | Trình bày được ý tưởng thiết kế sơ đồ tư duy. | 1,0 |  |  | | 4 | Trình bày đủ kiến thức đã học trong chủ đề. | 2,0 |  |  | | 5 | Diễn đạt trôi chảy, to, rõ. | 1,0 |  |  | | 6 | Thuyết trình dễ hiểu, súc tích. | 1,0 |  |  | | 7 | Tương tác với người nghe trong khi thuyết trình. | 1,0 |  |  | | 8 | Kết hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp. | 1,0 |  |  | |  | **Tổng điểm** |  | | |   Ghi chú dành cho góp ý, xây dựng cho nhóm bạn: …………………………………………  ……………………………………………………………………………………………… |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học ở chủ đề 4.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ học tập; HS thực hiện nhiệm vụ để củng cố kiến thức đã học ở chủ đề 4.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho câu hỏi luyện tập củng cố kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ như sau:

***Nhóm 1:*** Vai trò nào của thủy sản là quan trọng nhất? Vì sao?

***Nhóm 2:***Hãy phân tích xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới.

***Nhóm 3:*** Hãy kể tên và nêu đặc điểm của những ngành nghề thủy sản có ở địa phương em.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.

***1.*** *Vai trò cung cấp thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu là quan trọng nhất. Hầu hết sản lượng thủy sản sản xuất được đều phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu thủy sản mang về cho đất nước nguồn ngoại tệ lớn.*

***2.*** *Phân tích xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới:*

*+ Phát triển bền vững gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu bảo tồn biển. Bảo tồn các loài thuỷ sản hoang dã quý, hiếm.*

*+ Giảm áp lực khai thác thuỷ sản, tăng sản lượng nuôi trồng thuỷ sản.*

*+ Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm (CoC), chống khai thác thuỷ sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU)*

*+ Mở rộng đối tượng nuôi trồng thuỷ sản có giá trị, khuyến khích phát triển nuôi trồng vi tảo, rong biển.*

*+Phát triển các công nghệ nuôi thuỷ sản thông minh, nuôi thuỷ sản an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.*

*+ Phát triển các sản phẩm thuỷ sản được chứng nhận thực hành nuôi tốt như VietGAP, GlobalGAP,...*

*+ Tổ chức sản xuất thuỷ sản tuần hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm.*

***3.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Tên*** | ***Đặc điểm*** |
| ***Nuôi trồng thủy sản*** | *Nuôi tôm sú* | *- Phát triển mạnh mẽ, ứng dụng nhiều kỹ thuật tiên tiến.*  *- Sản lượng cao, đóng góp lớn cho kinh tế địa phương.*  *- Gặp nhiều rủi ro do dịch bệnh, biến đổi khí hậu.* |
| *Nuôi cua* |
| *Nuôi cá* |
| ***Khai thác thủy sản*** | *Khai thác hải sản ven bờ* | *- Tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, nguồn lợi hải sản phong phú.*  *- Cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào cho thị trường trong và ngoài nước.* |
| *Khai thác hải sản xa bờ* |

- GV yêu cầu các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm HS.

- GV chuyển sang hoạt động tiếp theo.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để phân loại thủy sản và nêu đặc điểm của một số phương thức nuôi trồng thủy sản phổ biến.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức, kĩ năng để hoàn thành nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cách phân loại thủy sản và nêu đặc điểm của một số phương thức nuôi trồng thủy sản phổ biến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học, trả lời từ câu 4 – câu 6 SGK trang 54:

***Câu 4.*** *Dựa theo đặc điểm cấu tạo, hãy sắp xếp các loài sau theo mẫu Bảng 1: cá mè, tôm càng xanh, cua biển, vẹm xanh, rong mứt, trai ngọc, ốc hương, cá vược, cá trôi, ếch, rong sụn, rùa biển, cá sấu, rong câu chỉ vàng, tôm hùm.*

*Bảng 1. Phân loại một số loài thủy sản dựa vào đặc điểm cấu tạo*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm cá*** | ***Nhóm giáp xác*** | ***Nhóm nhuyễn thể*** | ***Nhóm bò sát, lưỡng cư*** | ***Nhóm rong biển*** |
| *?* | *?* | *?* | *?* | *?* |
| *?* | *?* | *?* | *?* | *?* |
| *?* | *?* | *?* | *?* | *?* |

***Câu 5.*** *Dựa theo đặc điểm môi trường sống, hãy sắp xếp các loài sau theo mẫu Bảng 2: cá rô phi, tôm càng xanh, cá tầm, ốc hương, cá song, cá hồi vân, tôm hùm.*

*Bảng 2. Phân loại một số loài thủy sản dựa vào đặc điểm môi trường sống*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước lạnh*** | ***Nhóm nước ấm*** | ***Nhóm nước ngọt*** | ***Nhóm nước mặn, lợ*** |
| *?* | *?* | *?* | *?* |
| *?* | *?* | *?* | *?* |
| *?* | *?* | *?* | *?* |

***Câu 6.*** *Nêu đặc điểm của một số phương thức nuôi trồng thủy sản phổ biến theo mẫu Bảng 3.*

*Bảng 3. Đặc điểm của một số phương thức nuôi trồng thủy sản.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Phương thức nuôi*** | ***Nguồn giống*** | ***Thức ăn*** | ***Mức độ trang bị kĩ thuật*** |
| *Nuôi trồng thủy sản quảng canh* | *?* | *?* | *?* |
| *Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh* | *?* | *?* | *?* |
| *Nuôi trồng thủy sản thâm canh* | *?* | *?* | *?* |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, kết hợp với hiểu biết về bản thân để thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời:

***Câu 4.***

*Bảng 1. Phân loại một số loài thủy sản dựa vào đặc điểm cấu tạo*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm cá*** | ***Nhóm giáp xác*** | ***Nhóm nhuyễn thể*** | ***Nhóm bò sát, lưỡng cư*** | ***Nhóm rong biển*** |
| *Cá mè* | *Tôm càng xanh* | *Vẹm xanh* | *Rùa biển* | *Rong mứt* |
| *Cá vược* | *Cua biển* | *Trai ngọc* | *Cá sấu* | *Rong sụn* |
| *Cá trôi* | *Tôm hùm* | *Ốc hương* | *Ếch* | *Rong câu chỉ vàng* |

***Câu 5.***

*Bảng 2. Phân loại một số loài thủy sản dựa vào đặc điểm môi trường sống*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước lạnh*** | ***Nhóm nước ấm*** | ***Nhóm nước ngọt*** | ***Nhóm nước mặn, lợ*** |
| *Cá tầm* | *Cá rô phi* | *Cá tầm* | *Ốc hương* |
| *Cá hồi vân* | *Tôm càng xanh* | *Cá hồi vân* | *Cá song* |
|  | *Ốc hương* | *Cá rô phi* | *Tôm hùm* |
|  | *Cá song* | *Tôm càng xanh* |  |
|  | *Tôm hùm* |  |  |

***Câu 6.***

*Bảng 3. Đặc điểm của một số phương thức nuôi trồng thủy sản.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Phương thức nuôi*** | ***Nguồn giống*** | ***Thức ăn*** | ***Mức độ trang bị kĩ thuật*** |
| *Nuôi trồng thủy sản quảng canh* | *Thả giống mật độ thấp* | *Thức ăn tự nhiên* | *Không có* |
| *Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh* | *Thả giống mật độ không cao* | *Thức ăn tự nhiên và thức ăn thủy sản* | *Thấp* |
| *Nuôi trồng thủy sản thâm canh* | *Thả giống mật độ cao* | *Thức ăn thủy sản* | *Cao* |

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV chuẩn kiến thức, nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Củng cố kiến thức đã học ở chủ đề 4 và hoàn thành bài tập về nhà.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 11 – Một số chỉ tiêu cơ bản của môi trường nuôi thủy sản.*